

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2024/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của
Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học
và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán
kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN ngày 08 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên
môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công
nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

Xét Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 4 năm 2024. /

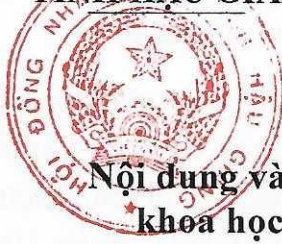
Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.KT. *kel*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền



QUY ĐỊNH

Nội dung và định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về nội dung, định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở được quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình, kế hoạch, đề án khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành trong từng giai đoạn được áp dụng quy định tại Nghị quyết này để lập dự toán thực hiện.

Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo định mức quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được quy định tại Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, định mức lập dự toán được áp dụng bằng 70% quy định về định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để lập dự toán thực hiện.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được quy định tại Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, định mức lập dự toán được áp dụng bằng 50% quy định về định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC để lập dự toán thực hiện.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung, định mức làm căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Nội dung, định mức lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ, thư ký khoa học và các chức danh khác.

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Định mức dự toán/tháng	
		Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ (DM _{CN})	28.000.000	20.000.000
2	Thư ký khoa học (DM _{TK})	8.400.000	6.000.000
3	Cá nhân thực hiện nhiệm vụ với chức danh Thành viên chính (DM _{TVC})	22.400.000	16.000.000

TT	Nội dung	Định mức dự toán/tháng	
		Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
4	Cá nhân thực hiện nhiệm vụ với chức danh Thành viên (DM _{TV})	11.200.000	8.000.000
5	Cá nhân thực hiện nhiệm vụ với chức danh Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (DM _{KTV})	5.600.000	4.000.000

b) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

- Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{CN}: Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ.

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

- Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = DM_{TK} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{TK}: Thù lao của thư ký khoa học.

DM_{TK} : Định mức thù lao theo tháng của thư ký khoa học theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

- Dự toán chi thù lao của thành viên chính để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN được tính theo công thức sau:

$$TL_{TVC} = DM_{TVC} \times (\Sigma t_n / 22)$$

Trong đó:

TL_{TVC} : Tổng thù lao của thành viên chính.

DM_{TVC} : Định mức thù lao theo tháng của thành viên chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

Σt_n : Tổng số ngày quy đổi mà thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Dự toán chi thù lao của thành viên để thực hiện các công việc quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN được tính theo công thức sau:

$$TL_{TV} = DM_{TV} \times (\Sigma t_n / 22)$$

Trong đó:

TL_{TV} : Tổng thù lao của thành viên.

DM_{TV} : Định mức thù lao theo tháng của thành viên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

Σt_n : Tổng số ngày quy đổi mà thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Dự toán chi thù lao của kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ để thực hiện các công việc quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN được tính theo công thức sau:

$$TL_{KTV} = DM_{KTV} \times (\Sigma t_n / 22)$$

Trong đó:

TL_{KTV} : Tổng thù lao của kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

DM_{KTV} : Định mức thù lao theo tháng của kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

Σt_n : Tổng số ngày quy đổi mà kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Định mức lập dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính bằng 70% theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Định mức lập dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính bằng 50% theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có): Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Định mức lập dự toán theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động sáng kiến; chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; chế độ tiếp khách trong nước và sửa đổi, bổ sung chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng đối với các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

TT	Nội dung	Định mức chi	
		Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	1.400.000 đồng/buổi	1.000.000 đồng/buổi
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	350.000 đồng/buổi	250.000 đồng/buổi
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	2.100.000 đồng/báo cáo	1.500.000 đồng/báo cáo
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	1.050.000 đồng/báo cáo	750.000 đồng/báo cáo
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	210.000 đồng/thành viên/buổi	150.000 đồng/thành viên/buổi

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Định mức lập dự toán theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung chi, mức chi kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

6. Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả/nhiệm vụ	Định mức chi	
		Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chủ tịch Hội đồng	630.000	450.000
2	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	525.000	375.000
3	Thư ký khoa học	105.000	75.000
4	Thư ký hành chính	105.000	75.000
5	Đại biểu được mời tham dự	70.000	50.000

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Định mức lập dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 3,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 210 triệu đồng/nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Định mức lập dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 2,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ.

8. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Định mức lập dự toán theo nguyên tắc quy định tại Điều 2 Quy định này.

Điều 4. Nội dung, định mức lập dự toán chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.050.000	750.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700.000	500.000
	Thư ký khoa học		210.000	150.000
	Thư ký hành chính		210.000	150.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	100.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350.000	250.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		490.000	350.000
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		490.000	350.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		350.000	250.000
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.260.000	900.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050.000	750.000
	Thư ký khoa học		210.000	150.000
	Thư ký hành chính		210.000	150.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	100.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		490.000	350.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	500.000
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.260.000	900.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050.000	750.000
	Thư ký khoa học		210.000	150.000
	Thư ký hành chính		210.000	150.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	100.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		490.000	350.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	500.000
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.050.000	750.000

b) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Nội dung, định mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700.000	500.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	490.000	350.000
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	210.000	150.000
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	140.000	100.000

b) Định mức chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Định mức chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN: Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Nội dung, định mức chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Theo quy định khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

5. Nội dung, định mức chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND.

b) Chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Nội dung, định mức chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có): Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

7. Nội dung, định mức các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách tỉnh.
2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nội dung, định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ kiến nghị tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho đến khi kết thúc nhiệm vụ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy định này, trường hợp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.